

Số: 05 /2022/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 15 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mật độ chăn nuôi giai đoạn 2022 - 2030
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 24/TTr-SNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chăn nuôi trang trại.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mật độ chăn nuôi

Mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Gia Lai không vượt quá 1,0 đơn vị vật nuôi trên 01 ha đất nông nghiệp (viết tắt là ĐVN/ha), trong đó mật độ chăn nuôi trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố không vượt quá mật độ chăn nuôi theo quy định như sau:

STT	Địa phương	Mật độ chăn nuôi (ĐVN/ha)
1	Thành phố Pleiku	0,4
2	Thị xã An Khê	0,7
3	Thị xã Ayun Pa	0,4
4	Huyện Chư Păh	0,4
5	Huyện Đức Cơ	0,4
6	Huyện Ia Grai	0,5
7	Huyện Krông Pa	0,5
8	Huyện Đak Đoa	0,6
9	Huyện Đak Pơ	0,6
10	Huyện Kbang	0,6
11	Huyện Kông Chro	0,7
12	Huyện Phú Thiện	1,0
13	Huyện Chư Sê	1,2
14	Huyện Ia Pa	1,5
15	Huyện Chư Prông	2,0
16	Huyện Chư Puh	2,0
17	Huyện Mang Yang	2,3

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài Nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định diện tích đất nông nghiệp làm căn cứ để Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quản lý, phát triển chăn nuôi tại địa phương phù hợp với mật độ chăn nuôi quy định tại Điều 2 Quyết định này.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chăn nuôi tại địa phương.

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định này về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2022, trừ quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Pleiku quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Pleiku quy định tại Điều 2 Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: Hà.

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh; Công thông tin điện tử tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, KTTT, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Kpã Thuyên